

CardiCare®

Enalapril maleate 5 mg, 10 mg

THÀNH PHẦN:

Enalapril maleat: 5mg, 10 mg

CHỈ ĐỊNH:

- Tăng huyết áp vô căn
- Tăng huyết áp do mạch máu thận
- Suy tim
- Dự phòng suy tim có triệu chứng
- Dự phòng các biến cố thiếu máu động mạch vành ở bệnh nhân rối loạn chức năng thất trái.

CÁCH DÙNG - LƯỢNG LIỀU:

Dùng đường uống:

Có thể uống thuốc trước, trong hoặc sau bữa ăn.

Tăng huyết áp nguyên phát:

Liều khởi đầu là 10 – 20mg, tùy thuộc vào mức độ tăng huyết áp, uống mỗi ngày 1 lần.

Trong tăng huyết áp nhẹ, liều khởi đầu là 10mg mỗi ngày. Liều khởi đầu cho tăng huyết áp ở các mức độ khác là 20mg mỗi ngày. Liều duy trì thường dùng là 20mg, ngày uống 1 lần/ngày. Liều tối đa là 40mg/ngày.

Tăng huyết áp do mạch máu thận:

Liều khởi đầu là 5mg hay ít hơn, rồi điều chỉnh tùy thuộc vào nhu cầu từng bệnh nhân. Nên thận trọng khi dùng thuốc cho những bệnh nhân tăng huyết áp đã được điều trị gần đây bằng các thuốc lợi niệu.

Liều lượng trong suy thận:

- Độ thanh lọc creatinin 30 – 80mL/phút, liều khởi đầu 5 – 10mg
- Độ thanh lọc creatinin 10 – 30mL/phút, liều khởi đầu 2,5 – 5mg
- Độ thanh lọc creatinin $\leq$ 10mL/phút (thông thường các người bệnh này sẽ được thẩm phân), liều 2,5mg trong ngày có thẩm phân. Liều lượng ở những ngày không thẩm phân phải được chỉnh theo đáp ứng của huyết áp.

Suy tim/rối loạn chức năng thất trái chưa có triệu chứng lâm sàng:

Liều khởi đầu là 2,5mg và phải được thực hiện dưới sự theo dõi sát để xác định tác dụng ban đầu lên huyết áp. Enalapril có thể được dùng kết hợp với thuốc lợi niệu và digitalis nếu cần để điều trị các trường hợp suy tim có triệu chứng. Liều lượng phải được tăng dần đến liều duy trì thông thường là 20mg, uống 1 hoặc 2 lần, tùy khả năng dung nạp của người bệnh.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Quá mẫn với thành phần thuốc.
- Người bệnh có tiền sử phù mạch thận kinh do thuốc ức chế men chuyển. Phù mạch di truyền hay tự phát.
- Phụ nữ có thai.

THẬN TRỌNG:

- Hạ huyết áp có triệu chứng có thể xảy ra. Thận trọng ở người giảm thể tích nội mạch, do dùng thuốc lợi tiểu, ăn kiêng muối, thẩm phân, tiêu chảy, nôn, suy tim, thiếu máu cơ tim hay bệnh mạch máu não.
- Bệnh nhân hẹp động mạch chủ, bệnh cơ tim phì đại.
- Hẹp động mạch thận 2-bên hoặc 1 bên trên thận duy nhất.
- Đại phẫu hay trong khi gây mê với các thuốc gây hạ huyết áp.
- Suy thận.
- Phụ nữ cho con bú và trẻ em.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

- Chóng mặt, nhức đầu, mệt, suy nhược.
- Ít gặp: hạ huyết áp, hạ huyết áp tư thế, buồn nôn, tiêu chảy, chuột rút, nổi mẩn, ho. Rối loạn chức năng thận, suy thận, thiếu niệu, phù thận kinh-mạch ít gặp hơn.
- Tác dụng phụ khác: bất lực, đỏ bừng mặt, thay đổi vị giác, ù tai, viêm lưỡi, nhìn mờ.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng phụ không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

- Có thể có tác dụng hiệp đồng khi phối hợp enalapril với các thuốc điều trị tăng huyết áp khác.
- Ở người bệnh dùng enalapril và thuốc lợi tiểu thiazid, tác dụng làm mất kali của thiazid thường giảm bớt dưới tác dụng của enalapril.
- Nếu dùng enalapril chung với thuốc lợi tiểu mất kali, tình trạng giảm kali máu có thể được cải thiện.
- Thuốc kháng viêm không steroid kể cả thuốc ức chế chọn lọc men cyclooxygenase-2 có thể làm giảm hiệu quả của thuốc lợi tiểu và thuốc điều trị tăng huyết áp khác.

TRÌNH BÀY: Hộp 3 vỉ x 10 viên.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPV

Nhà máy: Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Đồng Nai - ĐT: (061) 3992 999 - Fax: (061) 3853 088

VP. Hồ Chí Minh: P.1006, Lầu 10, Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu., P.Đakao, Quận. 1, TP. HCM - ĐT: 08- 38205 337 - Fax: 08 - 38205 336

VP Hà Nội: Tầng 4, King Building, số 7 Phố chùa Bộc, Q. Đống Đa, Hà Nội - ĐT: (04) 37 342 774 - Fax: (04) 37 342 773